

Số: /HD-UBND

Lai châu, ngày tháng 10 năm 2024

HƯỚNG DẪN

Về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công.

Căn cứ Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 20/8/2024 của HĐND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2024/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của HĐND tỉnh quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu.

Xem xét Tờ trình số 2288/TTr-STTTT ngày 17/10/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh như sau:

I. Đối với dự án đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước

Thẩm quyền, trình tự, hồ sơ, nội dung thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước, bao gồm dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo hình thức báo cáo kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo quy định của pháp Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các quy định về quản lý dự án ứng dụng công nghệ thông tin tại Chương II, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ, chi tiết một số nội dung như sau:

1. Chủ trương đầu tư

1.1. Đơn vị được Chủ tịch UBND tỉnh giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án tổ chức thực hiện (thành phần, biểu mẫu, số lượng hồ sơ theo quy định của Luật đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP và Nghị định số 73/2019/NĐ-CP) đến đầu mỗi đơn vị thẩm định (Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công do Chủ tịch UBND tỉnh quản lý, trừ dự án nhóm A).

1.2. Đơn vị đầu mỗi thẩm định lấy ý kiến chuyên môn của Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan.

1.3. Sở Thông tin và Truyền thông tham gia ý kiến gửi đơn vị đầu mỗi thẩm định.

1.4. Đơn vị đầu mỗi thẩm định tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh hoặc tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phê duyệt theo Luật đầu tư công.

2. Các bước thiết kế

Việc thiết kế được thực hiện 01 bước hoặc 02 bước:

2.1. Thiết kế 01 bước là thiết kế chi tiết.

2.2. Thiết kế 02 bước gồm thiết kế cơ sở và thiết kế chi tiết.

3. Đối với Dự án thiết kế 01 bước là thiết kế chi tiết:

3.1. *Lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật*: chủ đầu tư tổ chức lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; nội dung của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP được sửa đổi tại Khoản 17 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP bao gồm:

- Đánh giá sự tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số hoặc khung kiến trúc số cấp bộ hoặc khung kiến trúc số cấp tỉnh;

- Phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị, trong đó có phân tích, lựa chọn phương án bảo đảm tính kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan; yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6 hoặc giải pháp nâng cấp hệ thống bảo đảm sẵn sàng với IPv6 nếu có các nội dung liên quan hoạt động trên môi trường Internet; phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị bảo đảm an toàn thông tin;

- Hồ sơ thiết kế chi tiết và dự toán theo quy định tại Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP và Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP.

- Các nội dung khác của báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi quy định tại Luật Đầu tư công.

3.2. *Trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật*: chủ đầu tư có trách nhiệm trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án theo mẫu

tại Phụ lục I Nghị định 73/2019/NĐ-CP.

3.3. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

- Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định đối với dự án không có cấu phần xây dựng; Sở chuyên ngành xây dựng là đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định đối với dự án có cấu phần xây dựng.

- Đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện: đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định dự án là Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện hoặc Hội đồng thẩm định do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập.

- Đơn vị đầu mối thẩm định dự án có trách nhiệm: gửi hồ sơ thiết kế chi tiết lấy ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông (*trừ trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông là chủ đầu tư*), lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan để thẩm định dự án (*nếu cần*).

- Sở Thông tin và Truyền thông cho ý kiến thẩm định thiết kế chi tiết đối với dự án do Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư (*trừ các dự án có thiết kế chi tiết thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông*) theo mẫu tại Phụ lục IB Nghị định 82/2024/NĐ-CP, gửi ý kiến thẩm định thiết kế chi tiết cho đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định dự án để tổng hợp ý kiến; Trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông là chủ đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế chi tiết.

- Đơn vị đầu mối thẩm định dự thảo Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định 73/2019/NĐ-CP và văn bản thông báo kết quả thẩm định trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt theo mẫu tại Phụ lục IC Nghị định 82/2024/NĐ-CP.

- Thời gian thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau: Dự án nhóm A: Không quá 45 ngày; Dự án nhóm B, C: Không quá 30 ngày;

3.4 Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư căn cứ Tờ trình của chủ đầu tư và văn bản thông báo kết quả thẩm định của đơn vị đầu mối thẩm định xem xét phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án.

- Thời gian phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Đối với dự án nhóm A: Không quá 15 ngày; Đối với dự án nhóm B, C: Không quá 10 ngày.

4. Đối với Dự án thiết kế 02 bước gồm thiết kế cơ sở và thiết kế chi tiết:

4.1. Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Chủ đầu tư tổ chức lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thực hiện theo Điều 16, Điều 19, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP được sửa đổi tại Khoản

11, Khoản 13 Điều 1, Nghị định số 82/2024/NĐ-CP bao gồm:

- Nội dung của báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, trong đó đối với dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin cần thuyết minh rõ các nội dung sau:

- Đánh giá sự tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số hoặc khung kiến trúc số cấp bộ hoặc khung kiến trúc số cấp tỉnh;

- Phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị, trong đó có phân tích, lựa chọn phương án bảo đảm tính kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan; yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6 hoặc giải pháp nâng cấp hệ thống bảo đảm sẵn sàng với IPv6 nếu có các nội dung liên quan hoạt động trên môi trường Internet; phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị bảo đảm an toàn thông tin;

- Thiết kế cơ sở của phương án được lựa chọn.

4.2. *Trình thẩm định, phê duyệt dự án*: chủ đầu tư có trách nhiệm trình thẩm định, phê duyệt dự án theo Phụ lục I Nghị định 73/2019/NĐ-CP.

4.3. *Thẩm định dự án*

- Các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định đối với dự án không có cấu phần xây dựng; Sở chuyên ngành xây dựng là đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định đối với dự án có cấu phần xây dựng.

- Các dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND cấp huyện: đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định dự án là phòng Tài chính - Kế hoạch hoặc Hội đồng thẩm định do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập.

- Đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định dự án có trách nhiệm: gửi hồ sơ thiết kế cơ sở lấy ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông (*trừ trường hợp chủ đầu tư đồng thời là Sở Thông tin và Truyền thông*); lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan để thẩm định dự án (*nếu cần*).

- Sở Thông tin và Truyền thông cho ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án do Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư (*trừ các dự án có thiết kế cơ sở thuộc thẩm quyền thẩm định của Bộ Thông tin và Truyền thông*) theo mẫu tại Phụ lục IA Nghị định 82/2024/NĐ-CP, gửi ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở cho đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định để tổng hợp ý kiến. Trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông là chủ đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế cơ sở.

- Đơn vị đầu mối thẩm định dự thảo Quyết định phê duyệt dự án theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định 73/2019/NĐ-CP và văn bản thông báo kết quả thẩm định

trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt theo mẫu tại Phụ lục IC Nghị định 82/2024/NĐ-CP.

- Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau: Không quá 20 ngày đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A; không quá 15 ngày đối với dự án nhóm B; không quá 10 ngày đối với dự án nhóm C.

4.4. Phê duyệt dự án: Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư căn cứ Tờ trình của chủ đầu tư và văn bản thông báo kết quả thẩm định của đầu mối thẩm định xem xét phê duyệt dự án.

- Thời gian phê duyệt dự án: Dự án nhóm A: Không quá 15 ngày; Dự án nhóm B, C: Không quá 10 ngày.

4.5. Thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán: Chủ đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán theo Điều 29 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP:

- Chủ đầu tư tổ chức thẩm định và được phép thuê tổ chức, cá nhân có năng lực, kinh nghiệm thực hiện thẩm tra thiết kế chi tiết và dự toán để làm cơ sở thẩm định đối với các phần việc mà mình thực hiện, trừ trường hợp dự án thực hiện lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (dự án 01 bước).

- Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán: việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán.

5. Trường hợp dự án trong lĩnh vực khác có hạng mục ứng dụng CNTT (Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP được sửa đổi tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP): Trường hợp dự án trong lĩnh vực khác có hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin, việc quản lý chi phí, quản lý chất lượng hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin đó thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP. Đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định dự án có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Sở Thông tin và Truyền thông về thiết kế chi tiết (đối với dự án 01 bước) hoặc thiết kế cơ sở (đối với dự án 02 bước) của hạng mục ứng dụng CNTT trong dự án.

6. Trường hợp dự án đầu tư ứng dụng CNTT có hạng mục đầu tư thuộc công trình viễn thông, xây dựng công trình và các lĩnh vực khác, việc quản lý chi phí, quản lý chất lượng hạng mục đầu tư đó thực hiện theo quy định của pháp luật về công trình viễn thông, xây dựng và các chuyên ngành liên quan.

II. Đối với hoạt động ứng dụng CNTT sử dụng kinh phí chi thường xuyên

1. Hoạt động ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước sử dụng kinh phí chi thường xuyên phải được phê duyệt trong kế hoạch hằng năm về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, các kế hoạch khác hoặc được thống nhất chủ trương bằng văn bản

của cấp có thẩm quyền.

2. Đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên sau đây, sau khi được phân bổ dự toán theo quy định của pháp Luật Ngân sách nhà nước về lập dự toán, phân bổ dự toán kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước, thực hiện mua sắm và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đấu thầu, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị quyết số 37/2024/NQ-HĐND ngày 20/8/2024 của HĐND tỉnh về ban hành quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu và các quy định của pháp luật có liên quan:

2.1. Mua sắm dự phòng, thay thế các thiết bị phần cứng thuộc hệ thống thông tin hiện có; mua sắm thiết bị không cần lắp đặt; mua sắm phần mềm thương mại (bao gồm cập nhật bản quyền phần mềm thương mại);

2.2. Gia hạn bảo hành (bảo hành mở rộng); bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm; quản trị, vận hành, thuê quản trị, hỗ trợ kỹ thuật hệ thống thông tin; dịch vụ an toàn thông tin mạng; dịch vụ an ninh mạng;

2.3. Tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hoá, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; thực hiện nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu; duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu; bảo đảm hoạt động thường xuyên cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng;

2.4. Thuê dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường. Giá thuê dịch vụ (tính theo đơn giá của từng dịch vụ sử dụng hoặc đơn giá sản phẩm đầu ra của dịch vụ) được xác định trên cơ sở báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất dịch vụ tại thời điểm thuê dịch vụ; Đối với thuê dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường, thuyết minh lựa chọn hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin có thể thực hiện trước hoặc lồng ghép cùng với hồ sơ thuyết minh, lập dự toán thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

2.5. Các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên để khắc phục ngay hoặc xử lý kịp thời hậu quả gây ra do sự cố thiên tai, hỏa hoạn hoặc thực thi nhiệm vụ giải quyết sự cố theo yêu cầu của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc yêu cầu nghiệp vụ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật;

3. Đối với các hoạt động đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu gồm: *“Đầu tư hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu là hoạt động tự thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân thiết kế, xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng để thiết lập, hình thành hệ thống nhằm mục đích tạo lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin”*, sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên (sau đây gọi là dự án), sau khi được lập, phân

bổ và giao dự toán, thực hiện như sau:

3.1. Các bước thiết kế

Việc thiết kế được thực hiện 01 bước hoặc 02 bước:

- a) Thiết kế 01 bước là thiết kế chi tiết.
- b) Thiết kế 02 bước gồm thiết kế cơ sở và thiết kế chi tiết.

3.2. Đối với Dự án thiết kế 01 bước là thiết kế chi tiết:

3.2.1. Lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thiết kế chi tiết và dự toán): chủ đầu tư tự thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, gửi lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu cần thiết) và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Nội dung của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Sự cần thiết đầu tư;
- + Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;
- + Phân tích, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đầu ra của dự án; phân tích, lựa chọn quy mô hợp lý; xác định phân kỳ đầu tư; lựa chọn hình thức đầu tư;
- + Phân tích các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - kỹ thuật, lựa chọn địa điểm đầu tư;
- + Đánh giá sự tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số hoặc khung kiến trúc số cấp bộ hoặc khung kiến trúc số cấp tỉnh;
- + Phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị, trong đó có phân tích, lựa chọn phương án bảo đảm tính kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan; yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6 hoặc giải pháp nâng cấp hệ thống bảo đảm sẵn sàng với IPv6 nếu có các nội dung liên quan hoạt động trên môi trường Internet; phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị bảo đảm an toàn thông tin;
- + Thiết kế chi tiết của phương án được lựa chọn.
- + Phương án tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng dự án;
- + Đánh giá tác động môi trường và giải pháp bảo vệ môi trường;
- + Phương án tổng thể đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư;
- + Dự kiến tiến độ thực hiện dự án; các mốc thời gian chính thực hiện đầu tư;
- + Xác định tổng mức đầu tư (dự toán), cơ cấu nguồn vốn, phương án huy động vốn;

+ Xác định chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác dự án;

+ Tổ chức quản lý dự án, bao gồm xác định chủ đầu tư, phân tích lựa chọn hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án, mối quan hệ và trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến quá trình thực hiện dự án, tổ chức bộ máy quản lý khai thác dự án;

+ Phân tích hiệu quả đầu tư, bao gồm hiệu quả và tác động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; khả năng thu hồi vốn đầu tư (nếu có).

- Hồ sơ thiết kế chi tiết và dự toán theo quy định tại Điều 27 và 28 Nghị định 73/2019/NĐ-CP và Khoản 19 Điều 1 Nghị định 82/2024/NĐ-CP.

- Chủ đầu tư trình thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định 73/2019/NĐ-CP gửi đơn vị đầu môi tổ chức thẩm định, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.2.2. *Thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật*

a) Đối với các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt:

- Giao Sở Tài chính tham mưu, báo cáo UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định.

- Sở Thông tin và Truyền thông cho ý kiến thẩm định thiết kế chi tiết theo mẫu tại Phụ lục IB Nghị định 82/2024/NĐ-CP, gửi ý kiến thẩm định thiết kế chi tiết đến Sở Tài chính tổng hợp thẩm định dự án theo mẫu tại Phụ lục IC Nghị định 82/2024/NĐ-CP. Trong trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông là chủ đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông thành lập hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế chi tiết.

- Trong quá trình thẩm định, tùy theo tính chất phức tạp của từng công việc và nội dung, đơn vị đầu môi tổ chức thẩm định lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan và ý kiến chuyên gia (nếu cần thiết).

b) Đối với các dự án do các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt:

- Đầu môi tổ chức thẩm định, tổng hợp trình Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án là: Phòng chuyên môn về Kế hoạch - Tài chính các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh/Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện hoặc Hội đồng thẩm định do Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập, lấy ý kiến Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định về thiết kế chi tiết.

- Sở Thông tin và Truyền thông cho ý kiến thẩm định về thiết kế chi tiết theo mẫu tại Phụ lục IB Nghị định 82/2024/NĐ-CP, gửi ý kiến thẩm định thiết kế chi tiết cho đầu mối tổ chức thẩm định tổng hợp thẩm định dự án. Trong trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông là chủ đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông thành lập hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế chi tiết.

- Đầu mối tổ chức thẩm định báo cáo kết quả thẩm định dự án theo mẫu tại Phụ lục IC Nghị định 82/2024/NĐ-CP, dự thảo Quyết định phê duyệt dự án, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định 73/2019/NĐ-CP.

c) Đối với các dự án do các đơn vị dự toán trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt:

- Đầu mối tổ chức thẩm định, tổng hợp trình Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự án là: Bộ phận chuyên môn về tài chính - kế hoạch hoặc Hội đồng thẩm định do Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập, lấy ý kiến Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định về thiết kế chi tiết.

- Sở Thông tin và Truyền thông cho ý kiến thẩm định về thiết kế chi tiết theo mẫu tại Phụ lục IB Nghị định 82/2024/NĐ-CP, gửi ý kiến thẩm định thiết kế chi tiết cho đầu mối tổ chức thẩm định tổng hợp thẩm định dự án.

- Đầu mối tổ chức thẩm định báo cáo kết quả thẩm định dự án theo mẫu tại Phụ lục IC Nghị định 82/2024/NĐ-CP, dự thảo Quyết định phê duyệt dự án theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định 73/2019/NĐ-CP, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt.

d) Thời gian thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau: Dự án nhóm A: Không quá 45 ngày; Dự án nhóm B, C: Không quá 30 ngày;

3.2.3. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư căn cứ Tờ trình của chủ đầu tư và văn bản thông báo kết quả thẩm định của đầu mối thẩm định xem xét phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án.

- Thời gian phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Đối với dự án nhóm A: Không quá 15 ngày; Đối với dự án nhóm B, C: Không quá 10 ngày.

3.3. Đối với Dự án thiết kế 02 bước gồm thiết kế cơ sở và thiết kế chi tiết:

3.3.1. *Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án (Thiết kế cơ sở và tổng mức đầu tư)*: chủ đầu tư tự thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân lập báo cáo nghiên cứu khả thi, gửi lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu cần thiết) và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Nội dung của Báo cáo nghiên cứu khả thi gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Sự cần thiết đầu tư;
- + Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;
- + Phân tích, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, kết quả đầu ra của dự án; phân tích, lựa chọn quy mô hợp lý; xác định phân kỳ đầu tư; lựa chọn hình thức đầu tư;
- + Phân tích các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - kỹ thuật, lựa chọn địa điểm đầu tư;
- + Đánh giá sự tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số hoặc khung kiến trúc số cấp bộ hoặc khung kiến trúc số cấp tỉnh;
- + Phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị, trong đó có phân tích, lựa chọn phương án bảo đảm tính kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan; yêu cầu về tính sẵn sàng với IPv6 hoặc giải pháp nâng cấp hệ thống bảo đảm sẵn sàng với IPv6 nếu có các nội dung liên quan hoạt động trên môi trường Internet; phân tích, lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị bảo đảm an toàn thông tin;
- + Thiết kế cơ sở của phương án được lựa chọn.
- + Phương án tổ chức quản lý, khai thác, sử dụng dự án;
- + Đánh giá tác động môi trường và giải pháp bảo vệ môi trường;
- + Phương án tổng thể đền bù, giải phóng mặt bằng, tái định cư;
- + Dự kiến tiến độ thực hiện dự án; các mốc thời gian chính thực hiện đầu tư;
- + Xác định tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, phương án huy động vốn;
- + Xác định chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong giai đoạn khai thác dự án;
- + Tổ chức quản lý dự án, bao gồm xác định chủ đầu tư, phân tích lựa chọn hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án, mối quan hệ và trách nhiệm của các chủ thể liên quan đến quá trình thực hiện dự án, tổ chức bộ máy quản lý khai thác dự án;
- + Phân tích hiệu quả đầu tư, bao gồm hiệu quả và tác động kinh tế - xã hội,

quốc phòng, an ninh; khả năng thu hồi vốn đầu tư (nếu có).

- Chủ đầu tư trình thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định 73/2019/NĐ-CP gửi đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.3.2. Thẩm định dự án

a) Đối với các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt:

- Giao Sở Tài chính tham mưu, báo cáo UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định.

- Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định thiết kế cơ sở theo mẫu tại Phụ lục IA Nghị định 82/2024/NĐ-CP, gửi ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở cho Sở Tài chính tổng hợp thẩm định dự án theo mẫu tại Phụ lục IC Nghị định 82/2024/NĐ-CP. Trong trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông là chủ đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông thành lập hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế cơ sở.

- Trong quá trình thẩm định, tùy theo tính chất phức tạp của từng công việc và nội dung, đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định có ý kiến của các cơ quan có liên quan và ý kiến chuyên gia (nếu cần thiết).

b) Đối với các dự án do các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt:

- Đầu mối tổ chức thẩm định, tổng hợp trình Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt dự án là: Phòng chuyên môn về Kế hoạch - Tài chính các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh/ Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện hoặc Hội đồng thẩm định do Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập, lấy ý kiến Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định về thiết kế cơ sở.

- Sở Thông tin và Truyền thông cho ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở theo mẫu tại Phụ lục IA Nghị định 82/2024/NĐ-CP, gửi ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở cho đầu mối tổ chức thẩm định tổng hợp thẩm định dự án. Trong trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông là chủ đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông thành lập hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế cơ sở.

- Đầu mối tổ chức thẩm định báo cáo kết quả thẩm định dự án theo mẫu tại Phụ lục IC Nghị định 82/2024/NĐ-CP, dự thảo Quyết định phê duyệt dự án theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định 73/2019/NĐ-CP, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt.

c) Đối với các dự án do các đơn vị dự toán trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp

xã quyết định phê duyệt:

- Đầu mỗi tổ chức thẩm định, tổng hợp trình Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt dự án là: bộ phận chuyên môn về tài chính - kế hoạch hoặc Hội đồng thẩm định do Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập, lấy ý kiến Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định về thiết kế cơ sở.

- Sở Thông tin và Truyền thông cho ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở theo mẫu tại Phụ lục IA Nghị định 82/2024/NĐ-CP, gửi ý kiến thẩm định thiết kế cơ sở cho đầu mỗi tổ chức thẩm định tổng hợp thẩm định dự án.

- Đầu mỗi tổ chức thẩm định báo cáo kết quả thẩm định dự án theo mẫu tại Phụ lục IC Nghị định 82/2024/NĐ-CP, dự thảo Quyết định phê duyệt dự án theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định 73/2019/NĐ-CP, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt.

d) Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau: Không quá 20 ngày đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A; không quá 15 ngày đối với dự án nhóm B; không quá 10 ngày đối với dự án nhóm C.

3.3.3. *Phê duyệt dự án*: Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư căn cứ Tờ trình của chủ đầu tư và văn bản thông báo kết quả thẩm định của đầu mỗi thẩm định xem xét phê duyệt dự án.

- Thời gian phê duyệt dự án: Dự án nhóm A: Không quá 15 ngày; Dự án nhóm B, C: Không quá 10 ngày.

3.3.4. *Thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán*: Chủ đầu tư tổ chức thẩm định và phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán theo Điều 29, Nghị định số 73/2019/NĐ-CP và Khoản 21 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP :

- Chủ đầu tư tổ chức thẩm định và được phép thuê tổ chức, cá nhân có năng lực, kinh nghiệm thực hiện thẩm tra thiết kế chi tiết và dự toán để làm cơ sở thẩm định đối với các phần việc mà mình thực hiện, trừ trường hợp dự án thực hiện lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (dự án 01 bước).

- Chủ đầu tư phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán: việc phê duyệt thiết kế chi tiết và dự toán được thực hiện đồng thời, không tách riêng thiết kế chi tiết với dự toán.

4. Đối với hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường được quy định như sau: “*Là dịch vụ được cung cấp theo các yêu cầu riêng nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù của cơ quan, đơn vị. Theo đó, cơ quan, đơn vị thuê tổ chức, cá nhân xây dựng hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, cơ*

sở dữ liệu nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù của cơ quan, đơn vị; sau khi hoàn thành hệ thống hoặc hạng mục của hệ thống công nghệ thông tin, tổ chức, cá nhân cho thuê tổ chức quản trị, vận hành để cung cấp dịch vụ cho cơ quan, đơn vị thuê trong một thời hạn nhất định”, sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên (sau đây gọi là kế hoạch thuê), sau khi được phân bổ dự toán theo quy định, thực hiện như sau:

4.1. *Lập Kế hoạch thuê*: chủ đầu tư tự thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân lập Kế hoạch thuê, gửi lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu cần thiết) và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Nội dung của Kế hoạch thuê gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Hiện trạng, sự cần thiết thuê dịch vụ;
 - + Các hạng mục chính cần thuê; mục tiêu, nội dung và quy mô, phạm vi, địa điểm và cơ quan, đơn vị sử dụng dịch vụ;
 - + Xác định yêu cầu về chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin; yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng yêu cầu chất lượng dịch vụ; yêu cầu, điều kiện về khả năng kết nối, liên thông với ứng dụng, hệ thống thông tin khác; mô tả yêu cầu cần đáp ứng của phần mềm nội bộ; yêu cầu về an toàn bảo mật thông tin, dữ liệu và các yêu cầu khác;
 - + Xác định, làm rõ việc sở hữu các thông tin, dữ liệu hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ và phương án quản lý, chuyển giao cho bên thuê;
 - + Thời gian thuê và tiến độ, thời gian xây dựng, phát triển, hình thành dịch vụ. Thời gian thuê phải đủ dài (từ 01 năm trở lên nhưng không quá 08 năm) nhằm bảo đảm sự ổn định, liên tục, hiệu quả của việc khai thác, sử dụng dịch vụ; các trường hợp có thời gian thuê dưới 01 năm phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê cho phép;
 - + Yêu cầu về các phát sinh trong quá trình khai khác, sử dụng dịch vụ;
 - + Dự toán thuê dịch vụ theo quy định tại Điều 55 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

- Chủ đầu tư trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch và dự toán thuê theo mẫu tại Phụ lục III Nghị định 73/2019/NĐ-CP gửi đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.1.2. *Thẩm định Kế hoạch thuê*:

- a) Đối với các kế hoạch thuê do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt:
 - Giao Sở Tài chính tham mưu, báo cáo UBND tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định.

- Sở Thông tin và Truyền thông cho ý kiến thẩm định nội dung kế hoạch thuê, gửi ý kiến thẩm định kế hoạch thuê đến Sở Tài chính tổng hợp thẩm định theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định 82/2024/NĐ-CP. Trong trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông là chủ đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông thành lập hội đồng thẩm định để thẩm định kế hoạch thuê.

- Trong quá trình thẩm định, tùy theo tính chất phức tạp của từng công việc và nội dung, đơn vị đầu mối tổ chức thẩm định có ý kiến của các cơ quan có liên quan và ý kiến chuyên gia (nếu cần thiết).

b) Đối với các kế hoạch thuê do các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt:

- Đầu mối tổ chức thẩm định, tổng hợp trình Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch thuê là: Phòng chuyên môn về Kế hoạch - Tài chính các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh/ Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện hoặc Hội đồng thẩm định do Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập, lấy ý kiến Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định về kế hoạch thuê.

- Sở Thông tin và Truyền thông cho ý kiến thẩm định kế hoạch thuê, gửi ý kiến thẩm định kế hoạch thuê cho đầu mối tổ chức thẩm định tổng hợp thẩm định kế hoạch thuê. Trong trường hợp Sở Thông tin và Truyền thông là chủ đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông thành lập hội đồng thẩm định để thẩm định kế hoạch thuê.

- Đầu mối tổ chức thẩm định báo cáo kết quả thẩm định kế hoạch thuê theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định 82/2024/NĐ-CP, dự thảo Quyết định phê duyệt kế hoạch thuê theo mẫu tại Phụ lục IV Nghị định 73/2019/NĐ-CP, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt.

c) Đối với kế hoạch thuê do các đơn vị dự toán trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt:

- Đầu mối tổ chức thẩm định, tổng hợp trình Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kế hoạch thuê là: bộ phận chuyên môn về tài chính - kế hoạch hoặc Hội đồng thẩm định do Thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc các đơn vị cấp tỉnh, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập, lấy ý kiến Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định về kế hoạch thuê.

- Sở Thông tin và Truyền thông cho ý kiến thẩm định kế hoạch thuê, gửi ý

kiến thẩm định kế hoạch thuê cho đầu mỗi tổ chức thẩm định tổng hợp thẩm định kế hoạch thuê.

- Đầu mỗi tổ chức thẩm định báo cáo kết quả thẩm định kế hoạch thuê theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định 82/2024/NĐ-CP, dự thảo Quyết định phê duyệt kế hoạch thuê theo mẫu tại Phụ lục IV Nghị định 73/2019/NĐ-CP, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt.

d) Thời gian thẩm định kế hoạch thuê không quá 30 ngày kể từ ngày đầu mỗi thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ và không bao gồm thời gian bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Thời gian thẩm định kế hoạch thuê bao gồm thời gian đầu mỗi thẩm định lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan. Thời gian đơn vị có chuyên môn về công nghệ thông tin cho ý kiến không quá 15 ngày.

4.1.3. Phê duyệt Kế hoạch thuê:

- Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư căn cứ Tờ trình của chủ đầu tư và văn bản thông báo kết quả thẩm định của đầu mỗi thẩm định xem xét phê duyệt Kế hoạch thuê.

- Thời gian phê duyệt kế hoạch thuê là không quá 10 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thuê nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

III. Báo cáo hoàn thành hoạt động đầu tư ứng dụng CNTT

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng, đơn vị sử dụng ngân sách/chủ đầu tư gửi Sở Thông tin và Truyền thông 01 bộ hồ sơ dự án, kế hoạch thuê (*gồm danh mục hồ sơ hoàn thành sản phẩm hoặc hạng mục công việc và bản sao các tài liệu theo Phụ lục IV Thông tư 24/2020/TT-BTTTT*) đến Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi theo quy định.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn 3141/HD-UBND ngày 04/10/2021 của UBND tỉnh về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ. Các nội dung khác về hoạt động đầu tư ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh Lai Châu không nêu ở Hướng dẫn này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP và Nghị định số 82/2024/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản quy định hiện hành có liên quan. Trường hợp các văn bản viện dẫn áp dụng trong Hướng dẫn này có sự điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế áp dụng theo văn bản mới.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan giám sát, kiểm tra, thanh tra các hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và việc quản lý, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ các nội dung trên, đề nghị cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai đảm bảo thực hiện theo đúng quy định. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, gửi văn bản về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT.Tỉnh ủy;
- TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- V, C, CB;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, VX4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Thanh Hải